

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ KIM ANH

**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG
THỰC THỰC PHẨM ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG
Mã số : 60.34.20**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. NGUYỄN NGỌC VŨ**

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp
thạc sỹ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày
18 tháng 02 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

1. Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
2. Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nhiều thập kỷ qua, lĩnh vực giáo dục - đào tạo luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Việt Nam với mục tiêu đến năm 2020 cơ bản sẽ trở thành một nước công nghiệp, với đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Trường Cao đẳng Lương Thực – Thực phẩm là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24 tháng 4 năm 2006, trường đã rất tích cực cải cách và đổi mới cơ chế quản lý tài chính nói chung và công tác kế toán nói riêng. Tuy nhiên do mới triển khai chưa lâu nên trường chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện tự chủ về tài chính, hơn nữa thói quen làm việc theo cơ chế cũ vẫn còn tồn tại nên việc thực hiện cải cách còn nhiều bất cập, chưa thật sự hiệu quả

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn trên đây, tôi đã nghiên cứu và lựa chọn đề tài “*Quản lý tài chính trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm Đà Nẵng*” với mong muốn phân tích thực trạng quản lý tài chính tại trường và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại đơn vị này, đồng thời hướng tới mục tiêu tự chủ tài chính phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước và của Nhà trường.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn có các mục tiêu nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tài chính và quản lý tài chính tại các trường đại học, cao đẳng công lập Việt Nam.
- Phân tích đánh giá thực trạng hoạt động quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm Đà Nẵng, từ đó tìm ra nguyên nhân đưa đến những tồn tại, hạn chế.

- Đề xuất những giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính nhằm thực hiện một số định hướng chiến lược được đề ra.

3. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu thực trạng công tác quản lý tài chính tại trường cao đẳng Lương thực – Thực phẩm Đà Nẵng trong giai đoạn 2007-2009

4. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, cụ thể:

- Phương pháp duy vật biện chứng:
- Phương pháp duy vật lịch sử:
- Phương pháp thống kê, mô tả:

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn chia thành 3 chương với các nội dung cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về quản lý tài chính tại các trường đại học, cao đẳng công lập Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm Đà Nẵng.

Chương 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CÔNG LẬP VIỆT NAM.

1.1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU

1.1.1. Khái niệm và phân loại đơn vị sự nghiệp có thu

1.1.1.1. Khái niệm đơn vị sự nghiệp có thu

Theo thuật ngữ hành chính thì đơn vị sự nghiệp là những tổ chức được thành lập để thực hiện các hoạt động sự nghiệp, không nằm trong

những ngành sản xuất ra của cải vật chất những hoạt động này nhằm duy trì và đảm bảo sự hoạt động bình thường của xã hội, mang tính chất phục vụ là chủ yếu, không vì mục tiêu lợi nhuận [17,67].

Đơn vị sự nghiệp có thu là những đơn vị sự nghiệp do Nhà nước thành lập trong quá trình hoạt động đã được Ngân sách Nhà nước cấp hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, nhưng vẫn có tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tận dụng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật hiện có để tạo thêm thu nhập, hỗ trợ đời sống cán bộ công chức viên chức và bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên [19, tr58].

1.1.1.2. Phân loại đơn vị sự nghiệp có thu

1.1.1.3. Cách xác định đơn vị sự nghiệp có thu theo khả năng tự chủ tài chính

1.1.2. Khái niệm quản lý tài chính, yêu cầu và nguyên tắc quản lý tài chính các đơn vị sự nghiệp có thu

1.1.2.1. Khái niệm quản lý tài chính

Quản lý tài chính trước hết là quản lý các nguồn tài chính, quản lý các quỹ tiền tệ, quản lý việc phân phối các nguồn tài chính, quản lý việc tạo lập, phân bổ và sử dụng các quỹ tiền tệ một cách chặt chẽ, hợp lý và có hiệu quả theo các mục đích đã định. Đồng thời quản lý tài chính cũng chính là thông qua các hoạt động kể trên để tác động có hiệu quả nhất tới việc xử lý các mối quan hệ kinh tế - xã hội nảy sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính, trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ ở các chủ thể trong xã hội [11, tr.13].

Quản lý tài chính trong trường đại học, cao đẳng công lập chủ yếu là quản lý việc thu-chi một cách có kế hoạch, tuân thủ các chế độ tài chính, đã quy định và tạo ra được hiệu quả chất lượng giáo dục [11, tr.12].

1.1.2.2 Yêu cầu quản lý tài chính

1.1.2.3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1.1.3. Nội dung công tác quản lý tài chính

1.1.3.1. Công tác lập dự toán

Dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị phải phản ánh đầy đủ các khoản thu, chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành, kể cả các khoản thu, chi từ nguồn thu được tạo ra trong quá trình hoạt động sự nghiệp. Cùng với việc lập dự toán thu, chi, trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước, đơn vị chủ động xây dựng tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ để đảm bảo hoạt động thường xuyên cho phù hợp với hoạt động đặc thù của đơn vị và tăng cường công tác quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả.

1.1.3.2. Tổ chức thực hiện dự toán

Trong quá trình chi tiêu, các đơn vị sự nghiệp có thu phải tổ chức quản lý chặt chẽ, tôn trọng dự toán được duyệt, các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do nhà nước quy định về vật tư, lao động, tiền vốn. Sử dụng có hiệu quả, thực hiện đúng tiến độ công việc theo kế hoạch.

1.1.3.3. Quyết toán

Các đơn vị sự nghiệp có thu phải tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo các quy

Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách phải lập đúng, phản ánh đầy đủ các chi tiêu theo mẫu, phải lập đúng kỳ hạn, nộp đúng thời hạn tới cơ quan tài chính và cơ quan thống kê, Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để phối hợp kiểm tra, đối chiếu, điều chỉnh số liệu kế toán liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của đơn vị

1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính các đơn vị sự nghiệp có thu

1.1.4.1. Cơ chế quản lý tài chính của Nhà nước

1.1.4.2. Cơ chế quản lý tài chính của Bộ, ngành, doanh nghiệp chủ quản

1.1.4.3. Hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị.

1.1.4.4. Trình độ cán bộ quản lý

1.2. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CÔNG LẬP VIỆT NAM

1.2.1. Các đặc điểm về trường đại học, cao đẳng công lập

- Trường đại học, cao đẳng công lập là cơ sở giáo dục đào tạo do Nhà nước thành lập, hoạt động chủ yếu bằng nguồn Ngân sách nhà nước (NSNN) nhằm cung cấp các nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu phát triển của đất nước.

- Với mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2020 thì quy mô đào tạo đại học, cao đẳng công lập của nước ta ngày càng được mở rộng, bao gồm nhiều loại hình đào tạo khác nhau.

-. Quản lý tài chính trong trường đại học, cao đẳng chủ yếu là quản lý việc thu chi một cách có kế hoạch, tuân thủ các chế độ tài chính, sự phạm đã quy định và tạo ra được hiệu quả trong chất lượng giáo dục.

1.2.2. Nguyên tắc quản lý tài chính các trường đại học, cao đẳng công lập

1.2.2.1. Quản lý tài chính phải gắn liền với quản lý các hoạt động sự nghiệp giáo dục – đào tạo (công tác chuyên môn của ngành)

1.2.2.2. Quản lý tài chính sự nghiệp giáo dục- đào tạo là nhiệm vụ chủ yếu của ngành, đơn vị sử dụng ngân sách trước hết là thủ trưởng

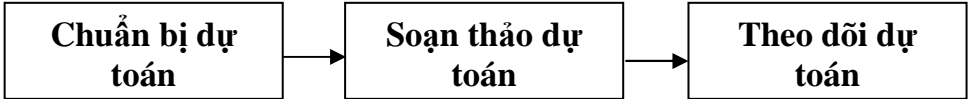
1.2.2.3. Quản lý tài chính sự nghiệp giáo dục – đào tạo phải căn cứ vào các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chỉ tiêu của nhà nước quy định cho ngành (cơ quan, đơn vị trường học)

1.2.3. Nội dung quản lý tài chính các trường đại học, cao đẳng công lập Việt Nam

1.2.3.1. Công tác lập kế hoạch (dự toán)

a. Quy trình lập dự toán

Sau đây là quy trình lập dự toán ngân sách gồm ba giai đoạn:



b. Nội dung dự toán

- *Đối với dự toán thu, chi thường xuyên:*

+ Dự toán thu:

Đối với các khoản thu phí, lệ phí: Căn cứ vào đối tượng thu, mức thu và tỷ lệ được để lại chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với các khoản thu sự nghiệp: Căn cứ vào kế hoạch hoạt động dịch vụ và mức thu do đơn vị quyết định hoặc theo hợp đồng kinh tế đơn vị đã ký kết.

+ Dự toán chi:

Đơn vị lập dự toán chi tiết cho từng loại nhiệm vụ như: Chi thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao, chi phục vụ cho công tác thu phí và lệ phí, chi hoạt động dịch vụ theo các quy định hiện hành.

- *Dự toán chi không thường xuyên:*

Đơn vị lập dự toán của từng nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành của nhà nước.

c. Phương pháp lập dự toán

Lập dự toán ngân sách là quá trình phân tích, đánh giá giữa khả năng và nhu cầu các nguồn tài chính để xây dựng các chỉ tiêu thu chi ngân sách hàng năm một cách đúng đắn, có căn cứ khoa học và thực tiễn. Phương pháp lập dự toán thường được các trường đại học, cao đẳng sử dụng là phương pháp lập dự toán trên cơ sở quá khứ.

1.2.3.2. Công tác chấp hành dự toán

a. Về nguồn thu: Bao gồm

- Nguồn kinh phí cấp phát từ ngân sách nhà nước (NSNN)
- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp
- Các khoản thu từ nhận viện trợ, biếu tặng, các khoản thu khác không phải nộp ngân sách theo chế độ
- Các nguồn khác như nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động của cán bộ, viên chức trong đơn vị; nguồn vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

b. Về nội dung chi

- Chi thường xuyên: gồm tất cả các khoản xảy ra thường xuyên và liên tục hàng năm và được sử dụng hết trong năm đó, không thể dùng lại trong năm sau.
- Chi đầu tư phát triển, gồm chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị; chi thực hiện các dự án đầu tư khác theo quy định của Nhà nước
- Chi trả vốn vay, vốn góp
- Các khoản chi khác

Để đảm bảo các nội dung chi này, các trường đại học, cao đẳng chủ yếu dựa vào nguồn cấp phát của ngân sách Nhà nước. Chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục bao gồm 4 nhóm chi sau:

- *Nhóm 1: Chi cho con người.*
- *Nhóm 2: Chi quản lý hành chính và chi cho nghiệp vụ chuyên môn.*
- *Nhóm 3: Chi mua sắm, sửa chữa*
- Nhóm 4: Chi khác.*

1.2.3.3. Quyết toán thu chi

Quyết toán thu chi là công việc cuối cùng của chu trình quản lý tài chính. Đây là quá trình kiểm tra, tổng hợp số liệu về tình hình chấp hành dự toán trong kỳ và là cơ sở để phân tích, đánh giá kết quả chấp hành dự

toán từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho các kỳ tiếp theo. Để có thể tiến hành quyết toán thu chi, các đơn vị phải hoàn tất hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách

1.2.3.4. Kiểm tra, kiểm soát

Các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thu chi qua KBNN đối với các khoản kinh phí thuộc Ngân sách Nhà nước theo quy định của luật Ngân sách Nhà nước, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của KBNN trong quá trình tập trung và sử dụng các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước

Đối với các khoản thu, chi dịch vụ, liên doanh, liên kết, đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ có thể mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng để giao dịch, thanh toán.

Tất cả các khoản thu, chi Ngân sách Nhà nước phải được kiểm tra, kiểm soát trong quá trình chi trả, thanh toán.

Ngoài ra các đơn vị sự nghiệp phải triển khai công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại đơn vị của mình theo định kỳ nhằm đánh giá tình hình triển khai chấp hành dự toán ngân sách hàng năm tại đơn vị theo quy định

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính của các trường đại học cao đẳng công lập

1.2.4.1. Điều kiện, môi trường kinh tế - xã hội

1.2.4.2. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục và đào tạo

1.2.4.3. Hình thức sở hữu và quy mô của trường đại học, cao đẳng công lập

1.2.4.4. Trình độ khoa học công nghệ và trình độ quản lý của trường đại học, cao đẳng công lập

Chương 2- THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM ĐÀ NẴNG

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM ĐÀ NẴNG

2.1.1. Quá trình ra đời và phát triển

2.1.2. Cơ cấu tổ chức

2.1.3. Ngành nghề và quy mô đào tạo

2.1.3.1. Ngành nghề đào tạo

Bậc cao đẳng gồm: Kế toán, quản trị kinh doanh, công nghệ sinh học, tin học ứng dụng, công nghệ thực phẩm, quản trị kinh doanh Marketing.
Bậc trung cấp gồm: Chế biến bảo quản thực phẩm, hạch toán kế toán, kế toán tin học

2.1.3.2. Quy mô đào tạo

Bảng 2.2. Quy mô đào tạo cao đẳng qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 07-08		Năm 08-09		Năm 09-10		08-09/07-08		09-10/08-09	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Cao đẳng	821	67,4	915	70,66	1.146	83,47	94	11,45	231	25,24
Chính quy	695	84,65	799	87,32	971	84,73	104	14,96	172	21,53
Liên thông	126	15,35	116	12,68	175	15,27	-10	-7,94	59	50,86
2. Trung cấp	397	32,6	380	29,34	227	16,53	-17	-4,28	-153	-40,26
Chính quy	397	100	331	87,1	227	100	-66	-16,62	-104	-31,42
Vừa làm Vừa học	0	0	49	12,9	0	0	49		-49	
Tổng	1.218	100	1.295	100	1.373	100	77	6,32	78	6,02

Nguồn: Nguồn: Báo cáo thực trạng cơ sở giáo dục đại học

2.2. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM (LTTP) ĐÀ NẴNG

2.2.1. Công tác lập dự toán

a. Căn cứ lập dự toán:

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ nhà nước giao; chỉ tiêu sinh viên, học sinh được phép tuyển sinh; mức thu học phí; tình hình tăng lương

của giảng viên và giá cả dịch vụ; ngoài ra còn căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính của năm trước liền kề, trường tiến hành lập dự toán thu, chi năm kế hoạch để gửi cơ quan quản lý cấp trên (*Bộ Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn*).

b. Quy trình lập dự toán

Về quy trình lập dự toán, nhà trường tuân thủ đúng theo quy định của nhà nước, tiến hành trình tự theo ba bước lập dự toán đã được đề cập trong chương 1, mục 1.2.2.1 của luận văn này.

c. Thực tế lập dự toán tại trường:

- Mức dự toán được điều chỉnh tăng qua các năm cả về số tuyệt đối lẫn tương đối. Trong đó, nguồn thu tăng chủ yếu là do nguồn ngân sách cấp cho trường ngày một tăng. Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và nguồn thu khác thì không đáng kể, chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp (*dưới 5%*) trong tổng nguồn thu của dự toán.

Về dự toán chi: Chủ yếu là chi thường xuyên, trong đó phần lớn là chi cho con người. Chi tăng chủ yếu là tăng do chi nghiệp vụ chuyên môn, với giá cả thị trường ngày càng tăng như hiện nay thì việc chi phí tăng là điều không tránh khỏi. Chi sửa chữa tài sản cố định và chi khác không đáng kể.

2.2.2. Công tác chấp hành dự toán

2.2.2.1. Chấp hành thu

Qua bảng 2.10 và hình 2.2 ta thấy nhìn chung về mặt số lượng, nguồn thu của trường đều tăng qua các năm. Trong tổng thu của cả trường, chiếm tỷ trọng lớn nhất và quan trọng nhất vẫn là nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp.

Trong cơ cấu nguồn thu của trường, nguồn thu từ NSNN về số lượng luôn tăng qua các năm, tuy nhiên tỷ trọng của nguồn này trong tổng nguồn thu thì có xu hướng giảm xuống. Điều này chứng tỏ trường đã rất chú trọng trong việc đa dạng hoá các nguồn tài chính phục vụ cho sự

ngành giáo dục đào tạo. Hơn nữa, các nguồn thu này tăng đều góp phần cho các hoạt động chăm lo đời sống cán bộ, giảng viên công nhân viên và sinh viên trong Nhà trường được đẩy mạnh tốt hơn.

Xét về tỷ lệ tăng giảm các nguồn qua các năm ta thấy: nguồn thu của trường xét cả về số tuyệt đối và số tương đối đều tăng hàng năm. Để thấy rõ hơn về thực trạng nguồn thu của trường chúng ta sẽ lần lượt đi vào phân tích từng nguồn thu của trường.

* Nguồn NSNN cấp

Đối tượng sinh viên, học sinh được cấp Ngân sách bao gồm cao đẳng chính quy, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề. Các hệ cao đẳng liên thông, cao đẳng và trung cấp vừa làm vừa học thì không được cấp ngân sách. Cách tính NSNN cấp cho một sinh viên được tính dựa theo số lượng bình quân học sinh có mặt.

Mức NSNN cấp hàng năm có tăng lên nhưng mức NSNN cấp hàng năm tính bình quân cho một sinh viên, học sinh có xu hướng giảm dần, đây vừa là chủ trương của nhà nước trong việc từng bước giao cho trường tự chủ về tài chính, tự tạo lập thêm nguồn thu để trang trải, không lệ thuộc nhiều vào Ngân sách. Mặc khác còn do nguyên nhân xuất phát từ điều kiện tuyển sinh của nhà trường mà mức chi NS đối với từng hệ có sự biến động riêng.

Đối với hệ trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề, mức NSNN cấp cho mỗi học sinh giảm dần qua các năm, nguyên nhân là do đối với hai hệ này trường tuyển sinh không đạt chỉ tiêu.

* Nguồn thu từ học phí, lệ phí

Trên cơ sở so sánh giữa mức thu học phí thực tế ở trường với mức thu theo quy định, và so sánh giữa tốc độ tăng HSSV với tốc độ tăng học phí cho thấy:

- Mức thu hợp lý, đảm bảo theo quy định, nguồn thu từ học phí và lệ phí trong năm 2009 đã tăng lên so với hai năm trước. Tuy nhiên với

mức thu học phí này nếu so với các trường tư thục thì thấp hơn gấp 2 đến 3 lần. Điều này một mặt giúp cho trường LTTP nói riêng và các trường công lập nói chung tuyển sinh đầu vào sẽ dễ dàng hơn rất nhiều so với trường tư thục. Nhưng mặt khác cũng cho thấy mức thu hiện nay so với mức giá cả ngày càng tăng cao thì mức thu không đủ để trường trang trải các khoản chi phí, do đó nhà trường còn phải phụ thuộc rất nhiều vào mức ngân sách cấp để đáp ứng các nguồn chi.

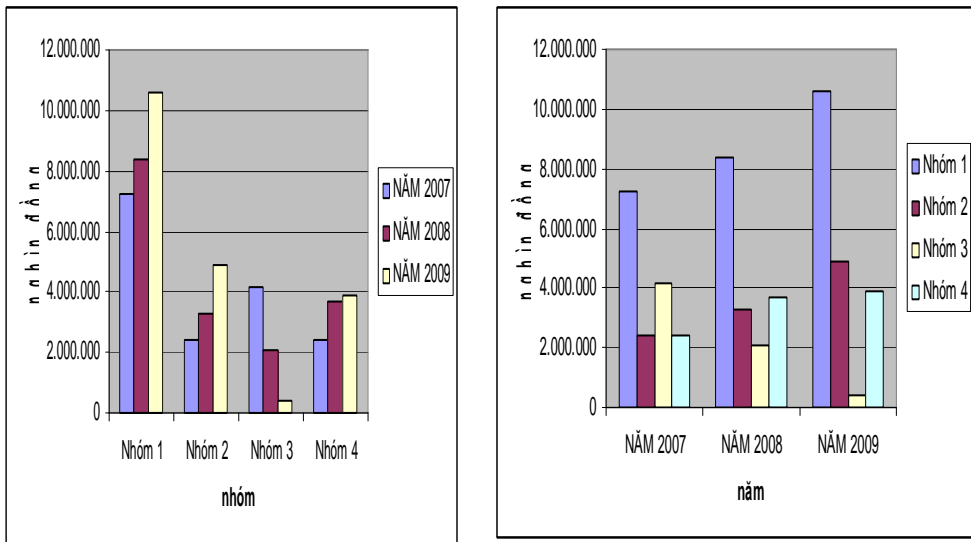
- Mức học phí tăng qua các năm chủ yếu là do mức thu học phí/sinh viên, học sinh qua các năm tăng chứ không phải là do lượng sinh viên, học sinh được tuyển vào trường tăng. Điều này cho thấy công tác tuyển sinh của nhà trường chưa tốt nên chưa thu hút được nhiều người học đến đăng ký.

* Các khoản thu từ dịch vụ, và thu khác:

Trong các nguồn thu từ dịch vụ thì phần lớn là nguồn thu từ các lớp đào tạo ngắn hạn như anh văn, tin học, kê khai quyết toán thuế, kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS)..., ngoài ra còn có từ các lớp liên kết đào tạo, còn nguồn thu từ nghiên cứu khoa học không đáng kể, điều này cho thấy công tác nghiên cứu khoa học ở trường còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với đội ngũ các nhà khoa học của các lĩnh vực khoa học cơ bản. Tuy nhiên trong những năm gần đây nhà trường cũng đã có quan tâm hơn nhiều đến hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện qua việc trường triển khai điều tra nghiên cứu, tìm hiểu nguyên nhân và biện pháp để khắc phục tình trạng trên.

2.2.2.2. Chấp hành chi

- Tổng chi tiêu của trường tăng qua các năm. Trong đó nguồn chi lớn nhất là chi cho con người chiếm trung bình gần 50% tổng nguồn chi, còn lại là các nguồn chi khác bao gồm: Chi quản lý hành chính và chi chuyên môn nghiệp vụ (*nhóm 2*), chi sửa chữa, mua sắm TSCĐ (*nhóm 3*) và chi khác (*nhóm 4*).



Hình 2.2: Nội dung và tỷ trọng các khoản chi từ tổng nguồn kinh phí

- Trong tổng nguồn chi của trường, năm 2007 và năm 2008 chi bao gồm các nguồn chi thường xuyên. Năm 2009 có thêm nguồn chi không thường xuyên nhưng chiếm tỷ trọng rất nhỏ (dưới 10%) dùng để chi cho nhóm 1 và nhóm 2.

Để biết rõ được nguyên nhân dẫn đến sự biến động trong cơ cấu nguồn chi của trường ta đi vào tìm hiểu cụ thể từng nội dung chi.

* Nhóm chi con người

Nhìn chung từng khoản chi trong nhóm 1 đều có xu hướng tăng dần qua các năm (hình 2.4), biến động tăng nhiều nhất là tiền lương và phụ cấp lương, còn lại thì tăng chậm. Tiền lương cũng là nguồn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi của nhóm 1 (hình 2.5). Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương, chính sách của nhà nước ta trong những năm gần đây thể hiện qua mức lương cơ bản ngày càng được điều chỉnh tăng dần ngoài ra còn do đội ngũ cán bộ giảng dạy không ngừng gia tăng qua

các năm. Tuy nhiên việc chi trả lương còn cứng nhắc, chưa chú trọng đến học hàm, học vị của người giảng viên mà chỉ chú trọng đến thâm niên công tác và chức vụ. Hơn nữa mức lương chi trả so với mặt bằng chung còn thấp vì vậy không tạo được động lực để người lao động nâng cao năng suất và chất lượng giảng dạy, và cũng gây khó khăn cho trường trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực giỏi để nâng cao chất lượng đào tạo.

Bảng 2.11. NỘI DUNG VÀ TỶ TRỌNG CHI NHÓM 1

CHỈ TIÊU	NĂM 2007		NĂM 2008		NĂM 2009	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Tiền lương	1.920.515	26,51	2.692.861	32,24	3.499.616	33,11
Tiền công	299.744	4,14	253.640	3,04	500.073	4,73
Phụ cấp lương	972.799	13,43	1.370.619	16,41	1.877.867	17,77
Học bổng HS,SV	783.899	10,82	569.110	6,81	623.770	5,90
Tiền thưởng	28.546	0,39	8.599	0,10		0,00
Phúc lợi tập thể	90.129	1,24	95.554	1,14	110.673	1,05
Các khoản đóng góp	385.878	5,33	532.679	6,38	694.033	6,57
Thanh toán cá nhân khác	2.761.780	38,13	2.829.059	33,87	3.264.356	30,88
Tổng cộng	7.243.290	100	8.352.121	100	10.570.388	100

Nguồn: Báo cáo quyết toán năm 2007-2009

Trong tổng quỹ lương, thì mức lương của cán bộ công nhân viên dôi ra ngoài biên chế phải trả bằng nguồn học phí không nhiều điều này giúp cho thu nhập của giảng viên sẽ càng tăng.

Các khoản chi thanh toán cá nhân khác bao gồm chi thu nhập tăng thêm hàng tháng cho giảng viên, cán bộ công nhân viên chiếm tỷ trọng không nhỏ trong tổng nguồn chi của nhóm 1, ngoài ra còn có các khoản chi làm thêm giờ, vượt giờ, tiền coi thi, phục vụ thi.... Chi trả thu nhập tăng thêm theo thông tư 71/2006/TT-BTC Với cách chi này thì mức lương tăng thêm nhiều hay ít giữa các giảng viên cùng ngạch, bậc lương phụ thuộc rất lớn vào kết quả lao động của cán bộ công nhân viên trong kỳ. Điều này sẽ khích lệ cán bộ công nhân viên làm việc tốt hơn, đem

lại hiệu quả cho trường cao hơn. Tuy nhiên việc phân loại kết quả lao động vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến một số giảng viên không còn tích cực trong giảng dạy, ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và sự phân công công việc của khoa, trường.

Chi tiền thưởng, các khoản phúc lợi tập thể được chi theo quy định hiện hành của nhà nước, và được chi từ các nguồn NSNN và từ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tuy chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ, song nguồn chi này phần nào cũng cho thấy sự quan tâm của nhà nước và lãnh đạo nhà trường đến sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần của toàn bộ cán bộ công nhân viên. Ngoài các nguồn chi cho giảng viên thì trường còn chi cho quỹ học bổng của sinh viên.

* Nhóm chi nghiệp vụ chuyên môn và quản lý hành chính

Hình 2.6 thể hiện tỷ trọng các nội dung chi trong nhóm 2 cho thấy: nguồn chi phí phục vụ cho công tác chuyên môn ngày càng tăng mạnh, và chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn chi của nhóm 2: Tuy nhiên trong phần chi này không có phần kinh phí cho sinh viên và giảng viên đi thực tập, thực tế, và kinh phí chi cho việc mua thiết bị thực hành, thí nghiệm theo yêu cầu còn hạn hẹp, chi mới đáp ứng tối thiểu cho một số ngành lý thuyết, đối với các ngành công nghệ thực phẩm thì còn rất thiếu thốn.

Các khoản chi phí hành chính còn lại trong nhóm 2 đều giảm về tỷ trọng qua các năm. Đây là sự nỗ lực rất lớn của trường trong việc giảm các nguồn chi không cần thiết, tiết kiệm chi để tăng chi cho các nhiệm vụ cần thiết khác cũng như tăng thêm nguồn thu cho cán bộ nhân viên của trường. Mặc khác tuy các nguồn chi phí hành chính ngày càng bị cắt giảm, nhưng nhà trường vẫn đảm bảo các mức chi hợp lý, phù hợp với từng điều kiện cụ thể, điều chỉnh tăng dần qua các năm (*theo tốc độ*

trượt giá), và phân chia có sự khác nhau giữa các thành phố lớn, các vùng miền đặc biệt là đối với nguồn chi công tác phí.

Đối với nhóm chi cho sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ cho công tác chuyên môn của trường nhìn chung còn rất ít.

* Nhóm chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ

Nguồn chi này có xu hướng giảm mạnh qua các năm, nguyên nhân là do nguồn chi này phần lớn được đầu tư từ nguồn vốn không thường xuyên và vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

* Nhóm chi khác

Căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính sau khi trang trải các khoản chi phí, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định (*thuế và các khoản phải nộp khác*), số chênh lệch thu lớn hơn chi do Thủ trưởng đơn vị quyết định trích lập các quỹ, sau khi thống nhất với tổ chức công đoàn trên cơ sở quy định của thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ, được chia theo thứ tự sau: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp - Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi - Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

Ngoài chi quỹ ra, nhóm 4 còn bao gồm các khoản chi khác như chi kỷ niệm các ngày lễ lớn, chi tiếp khách và chi bảo hiểm tài sản.

2.2.3. Quyết toán thu chi

Hàng năm, đơn vị đều được hướng dẫn thực hiện lập dự toán và quyết toán ngân sách. Báo cáo quyết toán hàng năm được lập đầy đủ, thể hiện tương đối rõ hoạt động tài chính trong năm của đơn vị.

Tuy nhiên công tác quyết toán ngân sách của đơn vị còn chậm trễ so với quy định

2.2.4. Công tác kiểm tra, kiểm soát

Hiện nay trường chưa lập một ban kiểm tra, kiểm soát quá trình thu chi tài chính tại trường. Việc kiểm tra, kiểm soát chỉ được thực hiện qua kho bạc theo quy định.

2.3. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ HẠN CHẾ CÒN TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM ĐÀ NẴNG

2.3.1. Kết quả đạt được

- Trường cao đẳng Lương thực – Thực phẩm có truyền thống hơn 30 năm xây dựng và phát triển, đã được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao, có uy tín trong ngành, điều này góp phần rất lớn trong việc tuyển sinh đầu vào của trường, tạo điều kiện nâng cao nguồn thu cho trường.

- Đội ngũ cán bộ viên chức đoàn kết nhất trí, cán bộ giáo viên tâm huyết với nghề nghiệp, nhiều giáo viên đã trải qua công tác thực tế, phát huy kinh nghiệm trong giảng dạy

- Với sự cân đối tài chính trong suốt một thời gian dài cho thấy tình trạng tài chính của trường rất ổn định, bền vững.

- Các nguồn thu ngoài ngân sách tăng qua các năm, góp phần tăng nguồn thu cho trường, tạo thuận lợi cho việc thực hiện tự chủ tài chính trong nhà trường.

- Việc sử dụng nguồn tài chính cũng ngày càng hợp lý hơn theo hướng tăng tỷ trọng chi cho công tác chuyên môn giảng dạy, tăng tỷ trọng chi cho con người, giảm chi phí hành chính

- Phần chi đã thực hiện tương đối tốt qua ba năm còn thể hiện ở chênh lệch thu chi ngày càng tăng, nên việc trích lập các quỹ cũng tăng.

- Trường đã chủ động nghiên cứu và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với đặc điểm và nhiệm vụ của trường, quy định cụ thể, rõ ràng và hợp lý giữa các khoản chi.

2.3.2. Những khó khăn, hạn chế tồn tại

+ Nguồn tài chính của trường vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm.

- Nguồn thu từ học phí của trường chưa được khai thác hiệu quả.

- Việc khai thác các nguồn ngoài ngân sách Nhà nước còn nhiều bất cập, chưa có kế hoạch, định hướng về các nguồn khai thác và hướng sử dụng các nguồn này cho giáo dục đào tạo

- Những hạn chế trong công tác kế toán tại đơn vị: đội ngũ cán bộ tài chính - kế toán còn chưa đáp ứng được yêu cầu mới của cơ chế quản lý tài chính theo hướng tăng cường tính tự chủ của trường như hiện nay, chưa đáp ứng được chức năng tham mưu về tài chính cho cán bộ lãnh đạo nhà trường như một giám đốc tài chính, chỉ dừng lại ở mức hạch toán.

- Việc phân bổ giữa các nội dung chi cũng chưa thật sự hợp lý, chưa đáp ứng được mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập

- Nhà trường cũng chưa đưa ra được một hệ thống các chỉ tiêu đánh giá kiểm định chất lượng mang tính chuẩn để làm căn cứ đo lường hiệu quả.

- Cơ chế công khai tài chính chưa được thực hiện nghiêm túc, còn mang tính hình thức

2.3.3. Nguyên nhân tồn tại

- Nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục – đào tạo còn hạn chế.

- Việc nhận thức về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Nghị định 43/2006 còn chưa đầy đủ, các văn bản hướng dẫn thực hiện còn chưa đồng bộ, còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, các quy định về mức chi NSNN cho từng sinh viên vẫn chưa rõ ràng, cụ thể.

- Việc phân cấp vẫn chưa xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các đơn vị dự toán trong cơ chế tự chủ tài chính.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy chưa hoàn thiện, thiếu bộ phận nghiên cứu triển khai; khảo thí và kiểm định chất lượng;

- Đội ngũ cán bộ tài chính – kế toán phần lớn có độ tuổi cao, số lượng cán bộ nghiệp vụ có trình độ sau đại học rất ít,. Do đó bị hạn chế khả năng tiếp thu và cập nhật các chính sách, chế độ mới cũng như trang bị kiến thức về tin học...

- Đội ngũ giáo viên đang trong quá trình tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn nên lực lượng tham gia đào tạo và NCKH bị phân tán. Cán bộ quản lý và viên chức chuyên môn nghiệp vụ đã được tăng cường song tính chuyên nghiệp không cao, kỹ năng làm việc hạn chế.

- Thiếu chính sách thu hút người giỏi là một trở ngại lớn trước sức hút lao động từ những doanh nghiệp có mức thu nhập cao.

- Tại trường chưa hình thành bộ phận kiểm soát nội bộ

Chương 3 – GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LTTP

3.1. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng của ngành

Đảm bảo duy trì tỷ lệ đầu tư cho giáo dục trong tổng chi ngân sách nhà nước được là 20% trong giai đoạn 2009-2012, phấn đấu đạt 21% vào năm 2015, trong đó tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Ngoài ngân sách nhà nước, nguồn lực cho giáo dục sẽ được huy động từ các tổ chức kinh tế-xã hội, các đơn vị sử dụng nhân lực sau đào tạo, được chia sẻ với người học và các hộ gia đình.

Việc phân bổ tài chính cho các cơ sở giáo dục được thực hiện dựa trên nhu cầu thực và kết quả hoạt động của từng cơ sở nhằm tạo sự cạnh

tranh lành mạnh, khuyến khích các cơ sở phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Nguồn lực cho giáo dục được quản lý và sử dụng có hiệu quả trên cơ sở nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội. Từ nay đến 2020, tất cả các cơ sở giáo dục đều được kiểm toán và công bố công khai kết quả kiểm toán.

3.1.2. Định hướng của trường

Nâng cao chất lượng đào tạo bằng cách tập trung đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá; xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đạt chuẩn chất lượng; tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện các yêu cầu về đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng.

Phát triển chương trình, nội dung, ngành nghề đào tạo theo hướng đào tạo đa cấp, đa ngành nghề, thực hiện liên thông, liên kết, đa dạng hoá loại hình đào tạo; tăng cường cơ sở vật chất, giáo trình, thư viện đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chất lượng và quy mô đào tạo theo tiêu chuẩn Việt Nam; thu hút các nguồn lực tài chính; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghiệp; kiểm định chất lượng trường; tăng cường hợp tác trong nước, hội nhập khu vực và quốc tế... nhằm không ngừng nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả, quy mô đào tạo, thực hiện tự chủ theo quy định và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống cán bộ, giáo viên đảm bảo phát triển Trường bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM ĐÀ NẴNG

3.2.1. Hoàn thiện công tác lập dự toán

+ Lãnh đạo nhà trường cần phải coi trọng hơn nữa đến công tác lập dự toán vì đây là kế hoạch tài chính cơ bản, tổng hợp tất cả các hoạt động của đơn vị bằng chỉ tiêu là tiền

+ Cần xây dựng kế hoạch chiến lược hoạt động trung và dài hạn, cho phép trường định hướng được kế hoạch đào tạo, cân đối được thu chi, giám lãng phí nguồn lực và ứng phó kịp thời với những khó khăn trong môi trường (*hiện nay trường chỉ lập dự toán ngắn hạn*);

+ Trường nên nghiên cứu áp dụng thử nghiệm phương pháp lập dự toán dựa trên việc xác định các chỉ tiêu trong dự toán căn cứ vào nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động trong năm kế hoạch, phù hợp với điều kiện cụ thể hiện có của đơn vị, áp dụng cho một số hoạt động tự chủ của đơn vị

3.2.2. Quản lý nguồn thu chặt chẽ và các giải pháp nhằm tăng cường nguồn thu cho trường

- Cần phải thường xuyên đối chiếu, kiểm tra các nguồn thu để chống việc thất thoát nguồn thu.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ công tác tài chính, sử dụng nguồn lực đúng hướng, đúng mục đích và theo đúng luật định. Thực hiện đúng quy chế công khai tài chính trên mạng nội bộ, đảm bảo sự dân chủ và tham gia quản lý, giám sát các hoạt động tài chính của đội ngũ cán bộ và giáo viên trong trường

- Tăng cường các hoạt động lập kế hoạch.

- Tham gia tích cực vào dự án đầu tư Giáo dục trong và ngoài nước

- Cho phép các khoa tự tìm kiếm, ký kết, quản lý các hợp đồng đào tạo, dịch vụ bên ngoài, và thực hiện trích nộp lại cho trường theo một tỷ lệ qui định cụ thể, trường chỉ kiểm tra, theo dõi các nguồn thu này.

- Nên có chính sách thu hút sinh viên quốc tế dự thi và theo học tại trường.

- Huy động nguồn tài chính từ các khoản đóng góp, đầu tư của các tổ chức kinh tế, xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân ...

- Mở rộng thêm quy mô và ngành nghề đào tạo các lớp ngắn hạn.
- Sử dụng vốn vay để nâng cấp và xây dựng mới ký túc xá,
- Đối với hoạt động dịch vụ, cần tổ chức đấu thầu để tăng thêm nguồn thu của trường ví dụ như căn tin, nhà để xe....
- Một số các giải pháp hỗ trợ để tăng nguồn thu

3.2.3. Hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ

3.2.4. Tăng cường quản lý chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả:

- Trong thời gian tới nhà trường cần kiểm tra đối chiếu các định mức về quản lý hành chính để có những điều chỉnh phù hợp, nhằm tiết kiệm khoản chi này.

- Khai thác tối đa lợi thế truyền đạt thông tin qua hệ thống mạng nội bộ, góp phần làm giảm chi phí hành chính

- Hạn chế những khoản chi phát sinh không nằm trong kế hoạch đầu năm.

- Cần xây dựng lại các mức chi cho hợp lý với tình hình thực tế, tiết kiệm nhưng phải đi đôi với hiệu quả.

3.2.5. Tăng cường đầu tư, nâng cao cơ sở vật chất của trường

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh phù hợp với tiêu chuẩn đào tạo hiện hành, đáp ứng quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học của một trường đa ngành.

- Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn

- Khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hiện có

3.2.6. Nâng cao công tác quản lý tài chính kế toán

* Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ kế toán – tài chính

* Sắp xếp hoàn thiện bộ máy kế toán tài chính

3.2.7. Kiểm tra, kiểm soát quy trình quản lý tài chính

- Kiểm tra việc lập dự toán ngân sách, thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Tài chính đối với các trường học có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của hệ thống đào tạo, nghiên cứu khoa học, nó vừa là phương tiện để hệ thống đào tạo duy trì được hoạt động của mình, vừa là công cụ để Nhà nước và các cơ sở đào tạo thực hiện các chức năng theo những mục tiêu đã định. Trong các trường đại học, cao đẳng nếu khả năng tự chủ tài chính càng cao thì việc nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên càng có điều kiện thực hiện tốt. Đặc biệt, việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới mở ra cho chúng ta nhiều cơ hội nhưng cũng có nhiều thách thức kể cả lĩnh vực đào tạo. Vì vậy đòi hỏi các trường ở Việt Nam phải có sự thay đổi toàn diện để hội nhập với xu thế chung của toàn thế giới. Đây là nhiệm vụ đặt ra nặng nề, đòi hỏi tăng cường quản lý tài chính theo hướng đa dạng hoá các nguồn tài chính và quản lý hiệu quả tài chính trong giáo dục vừa là yêu cầu vừa là điều kiện để phát triển giáo dục ở nước ta nói chung và trường Cao đẳng LTTP nói riêng, xứng đáng là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao trong khu vực và trên thế giới.

Đề tài “Quản lý tài chính trường Cao đẳng Lương Thực – Thực Phẩm Đà Nẵng” đã có những đóng góp thiết thực cho công tác quản lý tài chính, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tính hiệu quả trong quản lý tài chính ở trường LTTP nói riêng và các đơn vị sự nghiệp có thu nói chung. Về cơ bản đề tài đã đạt được những mục tiêu và những nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra.

1. Hệ thống hoá cơ sở lý luận về các nguồn tài chính và quản lý tài chính ở các trường Đại học, cao đẳng công lập trong điều kiện hiện nay: Luận văn đã khẳng định được vai trò của tài chính trong giáo dục, trong đó nguồn NSNN giữ vai trò quan trọng và quyết định.

2. Thông qua phân tích, đánh giá thực trạng các nguồn tài chính và quản lý tài chính tại trường, một mặt luận văn đã chỉ ra được: tài chính thực sự là công cụ hữu hiệu và là động lực kinh tế quan trọng để trường hoàn thành nhiệm vụ to lớn mà Đảng và Nhà nước giao phó, tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ giảng viên, qua đó tạo động lực để nâng cao hiệu quả giảng dạy và nghiên cứu.. Mặt khác qua những yêu cầu, đòi hỏi bức xúc từ thực tiễn đặt ra cũng như dựa trên những luận điểm, luận cứ khoa học, luận văn đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện đa dạng hoá các nguồn tài chính, quản lý và sử dụng tài chính có hiệu quả. Những tồn tại đó được thể hiện ở nhiều mặt ở cả cấp vĩ mô, điều này cần được sửa đổi, khắc phục cho phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn.

3. Trên cơ sở những kết quả đạt được và hạn chế tồn tại, cũng như những định hướng phát triển kinh tế xã hội, đầu tư phát triển giáo dục của ngành và của trường, luận văn đã đề ra những giải pháp thiết thực, phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả quá trình huy động và quản lý sử dụng tài chính của trường. Những giải pháp, kiến nghị nếu được quan tâm kịp thời và đúng mức sẽ góp phần đảm bảo quá trình đa dạng hoá các nguồn tài chính và quản lý sử dụng có hiệu quả, đáp ứng và phục vụ tốt các yêu cầu của sự nghiệp phát triển giáo dục ở nước ta.

Tuy nhiên đây là một đề tài nghiên cứu sâu, rộng và tổng hợp đề cập đến nhiều lĩnh vực và những vấn đề khá nhạy cảm, tuy bản thân cũng đã có nhiều cố gắng, song do giới hạn về thời gian nghiên cứu và ở đây cũng chỉ là bước đầu nên luận văn vẫn không tránh khỏi những thiếu sót hạn chế, kính mong sự góp ý, chỉ dẫn của Hội đồng khoa học, các nhà khoa học, các thầy, cô giáo và đồng nghiệp giúp tác giả bổ sung hoàn thiện đề tài nghiên cứu của mình.